VAI TRÒ CỦA CÁC NHÀ TRÍ THỨC NHẬT BẢN TRONG TIẾP THU VĂN MINH PHƯƠNG TÂY DƯỚI THỜI MINH TRỊ

Nguyễn Thu Hằng*

Trong lịch sử phát triển của mình, Nhật Bản – quốc gia nằm ở vị trí cô lập, khuất nẻo ở châu Á này luôn có những giai đoạn tiếp xúc, học tập, cải biến những yếu tố văn hoá ngoại lai, biến chúng thành những giá trị văn hoá đặc sắc của mình. Thế kỷ VII là giai đoạn Nhật Bản "lặn lội" sang Trung Hoa – cái nôi của nền văn minh nhân loại để tiếp thu những giá trị văn hoá Trung Hoa. Người Nhật không những học tập, tiếp thu mà còn cải biến, sáng tạo những giá trị văn hoá đó thành bản sắc của riêng mình.

Vào thế kỷ XIX, Nhật Bản cũng như các quốc gia châu Á khác đều đứng trước sự nhòm ngó của chủ nghĩa thực dân. Sự thất bại của Trung Quốc – biểu tượng của sức mạnh và trình độ văn minh châu Á trước nước Anh trong cuộc Chiến tranh Thuốc phiện (1840 - 1842) đã khiến người Nhật trở nên hoài nghi trước sức mạnh, tư tưởng Trung Hoa. Đặc biệt, sự kiện đoàn tàu đen (Kurofune) do Đô đốc Metthew Perry đến cảng Uraga (Tokyo) mang quốc thư của Tổng thống Hoa Kỳ yêu cầu Nhật Bản mở cửa để giao thương buôn bán càng khiến cho nước Nhật không còn hướng về nền văn minh Trung Hoa nữa mà họ hướng tới một trung tâm khác mà theo họ là văn minh hơn, đó chính là châu Âu. Đề cập đến những yếu tố tạo nên sự thành công của công cuộc Minh Trị Duy tân không thể không nhắc đến vai trò của các nhà trí thức Nhật Bản. Họ chính là những người lỗi lạc, uyên thâm, cống hiến cả cuộc đời mình cho công cuộc học tập, tiếp thu những giá trị văn minh phương Tây, tạo nên sự thành công của Nhật Bản. Với họ, học tập những kiến thức, khoa học kỹ thuật phương Tây là một trong những nội dung quan trọng trong công cuộc duy tân. Ý thức học tập nước ngoài không phải đến thế kỷ XIX mới xuất hiện mà ngay thế kỷ XVI, người Nhật đã vô cùng ngưỡng mộ những thành tựu của khoa học kỹ thuật phương Tây, thấy rõ được sức mạnh của vũ khí trong chiến tranh, đặc biệt là sức mạnh của hoả khí. Ngay trong thời kỳ được coi là "đóng cửa", giới lãnh đạo Nhật Bản vẫn chú ý

* Thạc sỹ, Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

theo dõi không bỏ qua những cơ hội học tập và tiếp thu khoa học, kỹ thuật phương Tây. Đầu thế kỷ XVIII, Yoshimune, tướng quân của dòng họ Tokugawa, có sự quan tâm đặc biệt đến tư tưởng khoa học của phương Tây. Năm 1720, ông cho phép nhập vào Nhật Bản sách của phương Tây, trừ những sách tuyên truyền cho nhà thờ Thiên Chúa giáo. Ông cho rằng nếu cấm sách phương Tây thì không thể nào tiến nhanh được và cho rằng Nhật Bản phải quan tâm học hỏi khoa học kỹ thuật phương Tây. Và với chính sách của như vậy, việc học hỏi phương Tây bắt đầu được tiến hành. Từ giữa thế kỷ XVIII, chính quyền Bakufu tiếp tục khuyến khích việc học tiếng Hà Lan. Vào cuối thời kỳ Tokugawa, việc học tập tiếng Hà Lan rất phát triển và trở thành phương tiện chủ yếu để các trí thức Nhật Bản tiếp thu các tri thức khoa học và kỹ thuật phương Tây. Mặc dù chính quyền Bakufu thực thi chính sách "toả quốc", tàu buôn Hà Lan vẫn được phép buôn bán ở biển Nagasaki. Chính họ tạo thành cầu nối quan trọng giữa Nhật Bản với văn minh phương Tây. Cũng chính những thương nhân ở hòn đảo Nagasaki đã có tác động mạnh đến sự hình thành một trào lưu tìm hiểu, nghiên cứu phương Tây, khi ấy chủ yếu là thông qua Hà Lan nên gọi là Lan học (Rangaku).

Ở Nagasaki, tại cảng Dejima, từ thế kỷ XVI đã hình thành một trung tâm buôn bán với nước ngoài. Dejima là nơi người nước ngoài được phép cư trú, nơi đây chính là cầu nối giữa Nhật Bản và thế giới. Trong khoảng 200 năm, Nhật Bản thi hành chính sách đóng cửa chính thức với nước ngoài (trừ với Hà Lan và Trung Quốc). Vì vậy, Nagasaki trở thành cầu nối quan trọng giữa Nhật Bản và thế giới phương Tây. Đội ngũ trí thức và phong trào nghiên cứu Lan học đã góp phần quan trọng tạo nên một cách nhìn mới trong xã hội Nhật Bản. Lệnh "đóng cửa" của Tokugawa có vẻ rất nghiêm khắc như cấm ghe tàu của người nước ngoài vào Nhật Bản nhưng lại có ngoại lệ, chẳng hạn cho phép người Hà Lan được ra vào buôn bán; cấm chỉ người trong nước học chữ châu Âu nhưng lại cho phép dạy y học của người Hà Lan. Từ đó có rất nhiều người nối tiếp học những ngành khoa học của châu Âu khác như vật lý, hoá học, chính trị, kinh tế. Qua những cách học tập như vậy, một bộ phận không nhỏ trí thức Nhật Bản vẫn có điều kiện tiếp cận với khoa học phương Tây và hiểu được thời cuộc. Dù trong giai đoạn "bế quan toả cảng", người nước ngoài hầu như vào Nhật Bản và hàng hoá phương Tây không bị cấm nhập nhưng người Nhật Bản vẫn rất thích các loại hàng hoá phương Tây như len, dạ, thuốc men. Trong thời kỳ toả quốc, những thứ này chủ yếu do người người Hà Lan cung cấp. Do có nhiều sự tiếp xúc với người Hà Lan sinh sống ở đây, một số học giả bắt đầu học tiếng Hà Lan để tìm hiểu khoa học kỹ thuật phương Tây. Những cuốn sách nghiên cứu thiên văn, vật lý, điện khí, thực vật, địa lý và y học được họ biên soạn thành những cuốn từ điển để tra cứu. Aoki Konyo (1698 - 1769) đã biên soạn cuốn sách *Orandabunji*

Ryakuko (*Hà Lan văn tự lược khảo*, 1758) là một công trình tiêu biểu. Bakufu cho xây đài thiên văn ở Edo vào năm 1744 hay Ino Tadataka (1745 - 1818) đã hoàn thành bản đồ Dai Nihon Enkaijissoku chizu (*Đại Nhật Bản duyên hải thực trắc địa đồ*) vào năm 1820. Trong số các học giả Nhật Bản nổi tiếng trong giai đoạn này, phải kể đến hai nhà nghiên cứu đã tạo nền móng cho y học hiện đại Nhật Bản là Maeno Ryootaku (1723 - 1803) và Sugita Genpaku (1733 - 1817). Trong phong trào học tập Hà Lan có thể nói lĩnh vực phát triển mạnh mẽ nhất chính là y học. Theo hồi ký *Rangaku Kotohajime* (*Lan học sự thể*) của *Genpaku*, sau khi cuốn sách có tên *Kaitaishinsho* (*Giải thể tân thư*) được dịch và xuất bản bằng tiếng Nhật, người theo học ngành y bằng tiếng Hà Lan ngày càng nhiều. Khi ấy, Philipp Franz von Siebold được phái sang thương điếm Hà Lan ở Nhật Bản để phụ trách phần y khoa. Ông đã đào tạo được 50 sinh viên người Nhật Bản về lý luận y khoa căn bản và lâm sàng y học. Có thể nói nhiều cuốn sách, nhiều kiến thức y học của Hà Lan đã mở ra cách nhìn nhận mới về con người, nhiều khái niệm y học mới đã tạo nên bước đột phá trong tư duy của giới học giả Nhật Bản lúc đó.

Trên thực tế, phong trào Lan học không chỉ dừng lại ở Hà Lan học mà còn mở rộng ra các nước phương Tây khác nên sau này phong trào Lan học đã phát triển mở rộng từ Rangaku thành Yogaku (Dương học - ngành nghiên cứu phương Tây). Các nhà Lan học và sau đó là Dương học chính là những người đi tiên phong, thức tỉnh nhiều người dân Nhật Bản trong nước về khoa học kỹ thuật của phương Tây sau cách mạng công nghiệp. Qua sự truyền bá của họ, người dân Nhật Bản ngày càng được mở mang và dần có ý thức đầy đủ hơn trong việc giao dịch với các nước khác trên thế giới, đặc biệt là những quốc gia phát triển.

Trong sự thành công của việc tiếp thu, truyền bá văn minh phương Tây có sự đóng góp rất lớn của nhóm Meirokusha. Hội trí thức Meirokusha thành lập năm 1873 có một vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong lịch sử Nhật Bản. Tôn chỉ của Meirokusha là thúc đẩy phát triển giáo dục trong nước, tổ chức và giao lưu mở mang kiến thức. Tháng 2/1875, Hội chính thức được thành lập. Hội được thành lập theo sáng kiến của Mori Arinori (1848 - 1889) kết hợp với Nishimuara Shigeki (1828 - 1902) với ý thức lập một hội trí thức theo mô hình Hoa Kỳ. Sau những chuyến đi công sứ ở Hoa Kỳ, Mori nhận xét rằng những học giả Mỹ thường lập thành hội để có nhiều cơ hội trao đổi học thuật, tổ chức những buổi nói chuyện có ích cho mọi người, trong khi đó những học giả Nhật Bản lại cô lập, không chịu liên hệ với nhau và ít có cơ hội để giao lưu tư tưởng, học thuật.

Trong giai đoạn đầu tiên, Hội gồm 10 người. Ngoài Mori và Nishimuara, 8 người còn lại về sau đều trở thành những nhân vật lỗi lạc, có những đóng góp to lớn đối với lịch sử Nhật Bản. Đó là các ông Fukuzawa Yukichi, Kato Hiroyuchi,

Mitsukuri Rinsho, Mitsukuri Shuhei, Nakamura Masanao, Nishi Amane, Sugikoji và Tsuda Mamichi. Về sau, số hội viên của Hội đã tăng lên với số lượng 30 người.

Các thành viên trong Meirokusha có nhiều điểm tương đồng rất đáng chú ý. Trừ một vài trường hợp ngoại lệ, hầu hết các thành viên của Hội Meirokusha đều xuất thân từ gia đình Samurai cấp dưới. Họ luôn tự hào, kiêu hãnh về nguồn gốc và tự cho mình phải có ý thức trách nhiệm của giai cấp nắm quyền ở Nhật Bản. Tuy nhiên, với danh phận là một Samurai ở đẳng cấp thấp, họ vẫn phải chịu nhiều nỗi cay đắng trong xã hội phong kiến.

Thái độ không đồng tình với các tư tưởng lạc hậu luôn là đề tài được nói tới trong các nhà trí thức của nhóm Meirokusha.

Niềm kiêu hãnh về một tầng lớp tự cho mình có sứ mệnh tạo nên chuẩn mực xã hội dường như mâu thuẫn với thân phận của những người hầu (*Samurai* trong tiếng Nhật Bản cũng có nghĩa là người hầu). Mâu thuẫn này ngày càng tăng lên khi Samurai là những người sớm tiếp thu được văn minh phương Tây, nhận ra được tình trạng tụt hậu của đất nước, còn chính quyền Tướng quân là bảo thủ, trở thành lực cản cho sự phát triển của xã hội. Những mâu thuẫn này đã thôi thúc các Samurai hành động. Họ đứng về phía cải cách.

Bên cạnh đó, nhóm trí thức trong Hội Meirokusha có một điểm chung là đều được đào tạo chữ Hán một cách hệ thống. Từ nhỏ họ đã tham gia những lớp học chữ Hán (Kangaku), sau đó chuyển sang Lan học (Rangaku), rồi chuyển từ Lan học sang Dương học (tức là ngành nghiên cứu phương Tây qua những ngôn ngữ phương Tây khác như tiếng Anh, tiếng Pháp hay tiếng Đức). Tuy nhiên, mặc dù là những nhà trí thức có nguồn gốc được đào tạo từ Hán học nhưng họ lại là những người thông minh và có đầu óc phân tích nhạy bén. Khác với các trí thức Việt Nam, Hàn Quốc và Trung Quốc chủ yếu lo học kiến thức kinh sử để đi thi và làm quan, các nhà trí thức Nhật Bản học chữ Hán và kiến thức Nho để trau dồi, tích luỹ kiến thức của mình chứ không phải để thi và làm quan. Chính vì vậy, mặc dù rất uyên thâm Hán học nhưng họ không bị phụ thuộc vào giáo lý kinh sách mà có lối tư duy độc lập, khách quan, không rập khuôn và giáo điều. Với tư duy đó, chính họ là những người vận dụng để chuyển ngữ hay giới thiệu những khái niệm mới mẻ của phương Tây mà trước đây chưa từng có trong chữ Hán.

Nếu như Sakuma Shozan đã đề ra khẩu hiệu "Đạo đức phương Đông, kỹ thuật phương Tây" để phân chia sự tách biệt giữa học vấn phương Tây và tinh thần phương Đông thì nhóm Meirokusha quan niệm sự tiếp thu không những về

khoa học - kỹ thuật mà còn về cả những giá trị tinh thần của văn minh phương Tây.

Là người đi tiên phong trong phong trào khai sáng ở Nhật Bản, Fukuzawa Yukichi đã nhấn mạnh rằng trong quá trình tiếp thu văn minh phương Tây, động tác quan trọng cơ bản và then chốt là đổi mới phong khí (Kifu) (Spirit/ temperament) trong giới trí thức học giả Nhật Bản.

Mặc dù thành viên của nhóm Meirokusha đều từng là những quan lại nghiên cứu phương Tây làm việc trong chính quyền Bakufu song khi chính quyền Minh Trị lên thay thế, phần lớn trong số họ vẫn trở thành những viên chức cao cấp của chính quyền mới. Chính phủ Minh Trị khuyến khích học tập phương Tây với khẩu hiệu "Văn minh khai hoá" đã trọng dụng họ ngay trong giai đoạn đầu nên họ đã hết lòng phục vụ chính quyền mới bằng những kiến thức tiên tiến của mình. Fukuzawa Yukichi là trường hợp đặc biệt. Trong khi các thành viên của Hội đều giữ các chức vụ quan trọng như: Kato vừa làm thầy giảng sách cho Thiên hoàng, vừa làm thư ký của những công việc liên quan đến hoàng cung; Nishi được bổ nhiệm làm Thứ trưởng Bộ Quốc phòng; Mori là phụ tá Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, sau làm Bộ trưởng Bộ Giáo dục; Nishimura làm Trưởng phòng biên tập của Bộ Giáo dục, sau đó ông lại đứng ra lập trường học tư.

Có thể nói, hội trí thức Meirokusha với những tư tưởng khai sáng của châu Âu đã có được kim chỉ nam là tinh thần và ý thức quốc gia về nhu cầu tiếp thu những yếu tố tiên tiến của văn minh phương Tây nhằm canh tân đất nước với mục đích bảo vệ nền độc lập của đất nước Nhật Bản. Meirokusha chính là những nhà trí thức tiên phong "thức tỉnh", "biết và sử dụng lý trí của chính mình" để mở ra cách nhìn nhận mới cho giới trí thức Nhật Bản. Sau này, chính họ là những người có ảnh hưởng lớn tới phong trào nghiên cứu Dương học. Chính những tư tưởng khai sáng của họ đã mở đường cho nước Nhật. Họ là những người luôn ý thức, tự giác về nhiệm vụ phải cung cấp cho dân chúng những kiến thức mới, đồng thời cũng ý thức về việc đổi mới tư duy dựa theo lối mòn của Nho giáo đến trình độ của người dân Nhật Bản.

Các thành viên của Meirokusha đều là những nhà tư tưởng đã có những ấn phẩm quan trọng từ trước thời kỳ Minh Trị. Có thể kể ra đây tác phẩm *Tonarigusa* (*Cỏ nhà láng giềng*) của Kato viết năm 1861, *Seiyo Jijo* (*Tây dương sự tình*) (1866 - 1870) của Fukuzawa Yukichi và *Hyakuichi Shinron* (*Bách nhất tân luận* - 1874) của Nishi.

Tonarigusa là tác phẩm mượn cốt truyện của Trung Quốc đời Thanh để luận bàn về tình hình Nhật Bản. Do sợ đụng chạm tới chính quyền Tokugawa nên

Kato đã lấy tên sách là "Cỏ nhà láng giềng" và dựa vào tích truyện bên ngoài để tránh phức tạp và những hệ luỵ có thể xảy ra. Ông đã khéo léo dùng những khuôn mẫu, giáo lý Nho giáo để phân tích văn minh phương Tây. Theo nhận định của ông, yếu tố quan trọng không phụ thuộc vào tư chất hay tấm lòng của người cầm quyền mà vấn đề là thể chế. Thực chất ông đả phá quan niệm nhân trị của Khổng giáo và đề cao tính chất khái quát của nhà nước theo mô hình phương Tây.

Bên cạnh *Tonarigusha* của Kato, Fukuzawa Yukichi, được gọi là "Voltaire của Nhật Bản", đã viết tác phẩm *Tây dương sự tình* (dựa trên tác phẩm của hai anh em Robert và William Chambers người Anh). Đây chính là những ghi chép của ông trong những lần thăm viếng các nước Âu - Mỹ vào những năm 1860 và kiến thức được đúc kết trong sách vở và từ điển của ông. Những kiến thức về châu Âu, phong tục tập quán, kinh tế chính trị, quân sự được thể hiện rất rõ trong cuốn sách này. Cuốn sách đã đánh trúng nhu cầu tìm hiểu và tính hiếu kỳ của độc giả Nhật Bản nên nhanh chóng phát huy tác dụng trong việc truyền bá văn minh phương Tây.

Bunmeiron no gairyaku (*Văn minh luận chi khái lược*) xuất bản năm 1875 là tác phẩm được tác giả khẳng định rằng độc lập cá nhân là cơ sở của độc lập quốc gia và con đường duy nhất để Nhật Bản có thể tồn tại trong giai đoạn này. Trong tác phẩm này, ông cho rằng: "Phương pháp giữ gìn độc lập không thể tìm đâu ra ngoài văn minh. Hiện nay nước Nhật đang tiến lên đài văn minh cũng chính vì để bảo vệ độc lập quốc gia. Độc lập quốc gia là mục tiêu và nền văn minh của quốc dân là phương tiện để đạt mục tiêu đó" [51, 134].

Tác phẩm *Gakumonnosusume* (*Khuyến học*) cũng thể hiện tinh thần đề cao độc lập cá nhân vì theo ông, cá nhân độc lập thì nền độc lập của quốc gia mới được giữ gìn lâu dài. Với tác phẩm *Khuyến học,* ông đã nêu ra rằng: con người vốn sinh ra có quyền bình đẳng và con người khác nhau "giữa người khôn và kẻ ngu" chỉ là do giáo dục mà ra. Ông cho rằng không nên theo đuổi những tư tưởng lạc hậu, phong kiến mà nên tìm hiểu nền văn minh phương Tây tiên tiến mà học tập. Ông đả kích thói học tập không gắn với thực tiễn và cho rằng lối học vô bổ này phải xem là thứ yếu, và phải ra sức chấn hưng thực học gần gũi với đời sống hàng ngày của con người.

Bên cạnh đó, tư tưởng độc lập quốc gia cũng thể hiện rõ trong tác phẩm của ông: làm cho đất nước tràn đầy không khí độc lập, tự do, không phân biệt sang - hèn, trên - dưới, mỗi người phải gánh vác bổn phận của mình.

Tuyên truyền mạnh cho văn hoá, văn minh phương Tây nhưng trí thức Nhật Bản lại chủ trương khai thác những giá trị truyền thống vào công cuộc cải cách

giáo dục. Tư tưởng Khổng giáo vốn có ảnh hưởng sâu đậm đến đời sống, lối suy nghĩ của người Nhật. Với họ, chuẩn mực đạo đức là lòng trung thành vô hạn với Hoàng đế, tính kỷ luật, tinh thần tập thể thay vì chủ nghĩa cá nhân như ở các quốc gia phương Tây. Đây là những đức tính vô cùng cần thiết, có ích trong việc phát triển nền công nghiệp hiện đại được chính quyền Nhật Bản duy trì và đưa vào trong xã hội mới.

Mặt khác, là quốc gia có xuất phát điểm từ phong kiến với những tàn dư của nền nông nghiệp lạc hậu, tư duy đóng cửa với thế giới bên ngoài nên Nhật Bản rất thiếu đội ngũ các nhà kinh doanh phù hợp với vai trò kinh doanh và những người công nhân lao động lành nghề nắm bắt khoa học kỹ thuật của phương Tây. Mặc dù vào cuối thời kỳ Tokugawa, sự hiểu biết của người Nhật Bản về phương Tây là khá cao so với các quốc gia khác ở châu Á song vẫn chưa thể bắt kịp được so với các nước phương Tây. Nhận thức được những hạn chế và nhu cầu cấp bách về nhân sự đó, chính quyền Minh Trị tập trung ưu tiên cho việc hoàn thiện hệ thống giáo dục và đào tạo nhằm nâng cao dân trí, tạo ra một lớp người có đủ trí, đức, lực đưa đất nước vững bước trong giai đoạn mới này. Mục tiêu của chính sách giáo dục thời kỳ này là xây dựng một hệ thống giáo dục phổ thông, không phân biệt giai tầng xã hội: nam hay nữ, giàu hay nghèo.

Mặc dù chịu sự giáo dục của xã hội mang nhiều ảnh hưởng của Nho giáo song với sự nhanh nhạy, nhạy bén, những nhà trí thức Nhật Bản đã sớm nắm bắt cơ hội, học tập và tiếp thu những thành tựu, giá trị của văn minh phương Tây. Họ là những người đi tiên phong với phong trào Lan học, sau này là Dương học, giúp cho chính quyền và người dân hiểu biết những giá trị ưu việt của văn minh phương Tây, tạo nên sự thành công của công cuộc Minh Trị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

George. S. SanSom (1990), *Lịch sử văn hoá Nhật Bản*, NXB Khoa học Xã hội.

Michio Morishima (1991), *Tại sao Nhật Bản thành công? Công nghệ phương Tây và tính cách Nhật Bản*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.

Vĩnh Sính (1990), *Nhật Bản cận đại*, NXB Văn hoá tùng thư.

Vĩnh Sính (2001), *Việt Nam và Nhật Bản giao lưu văn hoá*, NXB Văn nghệ Tp. Hồ Chí Minh – Trung tâm Nghiên cứu Quốc học.

Tạp chí *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*.

大?日?方? 純?夫, (2003), ***初?めて学ぶ?日?本近ò代史（下）***, 大?月?書?店.